

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Dự án: Nâng cấp hẻm 633 đường Phú Lợi, khu phố 9**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ LỢI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ
Tài chính quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính
phủ về việc Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính
Phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Phú Lợi tại
Thông báo số 589/KTHTĐT-XDCT ngày 17 tháng 12 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp hẻm 633 đường Phú Lợi, khu phố 9, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp hẻm 633 đường Phú Lợi, khu phố 9.
2. Mã số thông tin công trình:
3. Địa điểm xây dựng: phường Phú Lợi, thành phố Hồ Chí Minh.
4. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi.
5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi.
6. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương Mại Tín Nghĩa.
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
 - Loại, nhóm dự án: Nâng cấp. Nhóm C.



- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Trên 10 năm.

8. Mục tiêu dự án:

- Tạo sự khang trang trong khu vực phường Phú Lợi, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Xây dựng đầy đủ hệ thống hạ tầng - giao thông, kết nối hạ tầng khu vực thông suốt, đảm bảo thoát nước tốt, lưu thông êm thuận góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân trong vùng.

- Tạo sự thông thoáng, giảm ô nhiễm môi trường trong khu vực xung quanh, đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu vực.

- Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, giải quyết tình trạng nước tràn và ngập trên mặt đường làm ảnh hưởng đến các hộ dân khác trên tuyến.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1 Quy mô:

- Tổng chiều dài tuyến: 417,12m
- Bề rộng mặt đường: Theo hiện trạng
- Loại mặt đường: Mặt đường BTNN
- Độ dốc ngang mặt đường: 2,0%
- Loại cống: Cống hộp BTCT khẩu độ 600xH + D800-H30

a. Giải pháp kỹ thuật:

a. Bình đồ: Tuyến chủ yếu bám theo hiện trạng tuyến đường có sẵn.

b. Trắc dọc: Trắc dọc tuyến, cống thoát nước được thiết kế bám sát theo cao độ trắc dọc tự nhiên tuyến đường hiện hữu, riêng tại một số vị trí mặt đường quá trũng thấp được đắp nâng đạt độ cao tương đối so với hai bên tuyến tránh đọng nước trong mặt đường. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ hoàn thiện mặt đường, đồng thời không chế cao độ đáy thoát tại vị trí đầu nối vào hệ thống thoát nước cống D1000 hiện hữu trên đường Phú Lợi.

- Cao độ thiết kế trên trắc dọc là cao độ hoàn thiện mặt đường.

c. Hệ thống thoát nước:

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa tuyến cống hộp BTCT khẩu độ 600xH + Cống tròn D800-H30 chạy dọc tuyến. Trên tuyến, nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước xây mới hướng về phía đầu tuyến đầu nối vào hệ thống thoát nước hiện hữu D1000 trên đường Phú Lợi:

+ Từ đầu tuyến đến cọc P3 (km0+133,02): Cống xây mới chạy dọc bên phải tuyến.

+ Từ cọc P3 (km0+133,02) đến hướng về cuối tuyến: Cống xây mới chạy dọc tim tuyến.

+ Đối với tuyến cống xây mới trung bình cứ cách một đoạn chiều dài khoảng 25m bố trí một hố lắng (vị trí hố lắng sẽ được lắp đan có viền thép).

+ Đan cống bằng đan chịu lực kích thước (1,0x0,8x0,15)m, bên trên lắp 8 lỗ thu nước ống nhựa PVC D49.

+ Kích thước các tấm đan tại vị trí góc ngoặt được đơn vị thi công đo và đúc tại chỗ theo hiện trạng. Cốt thép các tấm đan được gia công và lắp đặt đặt khoảng cách giữa các thanh thép như các tấm đan trên đường thẳng.

- Đường cống hộp 400xH hiện hữu từ đầu tuyến đến cọc TĐ2 (km0+86,45), L= 86m bên trái tuyến: Nâng chỉnh cao độ tường cống đạt cao độ mặt đường thiết kế, thay mới các tấm đan cũ bằng đan chịu lực BTCT kích thước (1,0x0,6x0,15)m có 08 lỗ thu nước sử dụng ống PVC D49mm trên mặt đan (trong đó có 04 vị trí hố lắng sẽ được lắp đan có viền thép).

d. Nền, mặt đường:

- Từ cọc ĐT (km0+00) đến cọc TĐ2 (km0+86,45):

+ Bề rộng mặt đường: Theo hiện trạng

+ Loại mặt đường: Mặt đường BTNN (thảm mới)

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2,0%

+ Cống hộp BTCT khẩu độ 400xH (bên trái tuyến): Tận dụng lại

+ Cống hộp BTCT khẩu độ 600xH (bên phải tuyến): Xây mới

+ Bề rộng nền đường: Theo hiện trạng

- Từ cọc TĐ2 (km0+86,45) đến cọc P3 (km0+133,02):

+ Bề rộng mặt đường: Theo hiện trạng

+ Loại mặt đường: Mặt đường BTNN (Giữ nguyên tận dụng lại)

+ Độ dốc ngang mặt đường: Theo hiện trạng

+ Cống hộp BTCT khẩu độ 400xH (bên trái tuyến): Tận dụng lại

+ Cống hộp BTCT khẩu độ 600xH (bên phải tuyến): Xây mới

+ Bề rộng nền đường: Theo hiện trạng

- Từ cọc P3 (km0+133,02) đến cọc H3 (km0+300):

+ Bề rộng mặt đường: Theo hiện trạng

+ Loại mặt đường: Mặt đường BTNN (thảm mới)

+ Độ dốc ngang mặt đường: -2,0% (về phía cống xây mới)

+ Cống hộp BTCT khẩu độ 600xH (tim tuyến): Xây mới

+ Bề rộng nền đường: Theo hiện trạng



- Từ cọc H3 (km0+300) đến cọc TC8 (km0+369,49):

+ Bề rộng mặt đường: Theo hiện trạng

+ Loại mặt đường: Mặt đường BTNN (xây dựng mới)

+ Độ dốc ngang mặt đường: -2,0% (về phía cống xây mới)

+ Cống hộp BTCT khẩu độ 600xH (tìm tuyến): Xây mới

+ Bề rộng nền đường: Theo hiện trạng

- Từ cọc TC8 (km0+ 369,49) đến cọc H4 (km0+400):

+ Bề rộng mặt đường: Theo hiện trạng

+ Loại mặt đường: Mặt đường BTNN (thảm mới)

+ Độ dốc ngang mặt đường: -2,0% (về phía cống xây mới)

+ Cống hộp BTCT khẩu độ 600xH (tìm tuyến): Xây mới

+ Bề rộng nền đường: Theo hiện trạng

- Từ cọc H4 (km0+400) đến cuối tuyến:

+ Bề rộng mặt đường: Theo hiện trạng

+ Loại mặt đường: Mặt đường BTNN (thảm mới)

+ Độ dốc ngang mặt đường: -2,0% (về phía tim)

+ Bề rộng nền đường: Theo hiện trạng

e. Kết cấu nền, mặt đường:

- Từ đầu tuyến đến cọc TĐ2 (km0+86,45); Từ P3 (km0+133,02) đến cọc H3 (km0+300); Từ cọc TC8 (km0+ 369,49) đến cuối tuyến: Phần mặt đường hiện hữu sẽ được thảm thêm một lớp mặt bê tông nhựa nóng hạt mịn, kết cấu mặt đường (tính từ lớp trên xuống dưới):

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 9,5) dày 5cm, lu lèn $k \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 120$ Mpa + Bù vênh bằng bê tông nhựa chặt (BTNC 9,5) đạt cao độ thiết kế, lu lèn $k \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 120$ Mpa, tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5kg/m².

+ Mặt đường hiện hữu.

- Từ TĐ2 (km0+86,45) đến cọc P3 (km0+133,02): Phần mặt đường hiện hữu được giữ nguyên tận dụng lại.

- Từ cọc H3 (km0+300) đến cọc TC8 (km0+ 369,49): Phá dỡ nền đường hiện hữu đã hư hỏng, xây dựng mới mặt đường bê tông nhựa nóng, kết cấu mặt đường (tính từ lớp trên xuống dưới):

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 9,5) dày 5cm, lu lèn $k \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 120$ Mpa, tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5kg/m².

+ Bê tông đá 1x2 M200 dày 20cm.

f. Phần mặt đường mở rộng:

- Từ cọc P3 (km0+133,02) đến cuối tuyến: Cải tạo phần lề đường BTXM hiện trạng hai bên tuyến thành mặt đường mở rộng, kết cấu mặt đường (tính từ lớp trên xuống dưới):

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 9,5) dày 5cm, lu lèn $k \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 120$ Mpa, tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5kg/m².

+ Bê tông đá 1x2 M200 dày 20cm.

g. Vạch sơn gờ giảm tốc:

- Tại vị trí các giao lộ, góc ngoặt có tầm quan sát bị hạn chế bố trí vạch sơn gờ giảm tốc mặt đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang theo TCCS 34:2020/TCĐBVN đảm bảo an toàn giao thông.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (tập I,II,III).
- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCVN 13592:2022.
- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005.
- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.
- Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018.
- Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - yêu cầu thiết kế: TCVN 7907:2023.
- Các quy phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật tham khảo: AASHTO về các nguyên tắc thiết kế hình học đường ô tô, thiết kế nền, mặt đường, cầu, cống.

- Các tiêu chuẩn trích dẫn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư:

2.780.637.197 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm chín mươi bảy đồng).

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	2.299.917.236 đồng
+ Chi phí quản lý dự án	66.720.599 đồng
+ Chi phí tư vấn xây dựng	238.508.051 đồng
+ Chi phí khác	43.080.016 đồng

+ Chi phí dự phòng

132.411.295 đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách thành phố.

Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê đơn vị thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Sau khi báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án được phê duyệt, các bộ phận trực thuộc chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của trình tự xây dựng cơ bản theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, khu phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *B*

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND phường;
- PCT UBND phường (Nguyễn Duy);
- Phòng KT, HT&ĐT phường;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Sang. *nh*



Phan Công Khanh